

Số: /BC-SCT

Bắc Giang, ngày tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả ước thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2020, thống kê phân loại cơ sở thực phẩm và đăng ký chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

Căn cứ Công văn số 2275/SYT-NVY ngày 03/11/2020 của Sở Y tế về việc ước kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch, đánh giá xếp loại công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm năm 2020; thống kê cơ sở thực phẩm và đăng ký chỉ tiêu kế hoạch năm 2021. Sở Công Thương báo cáo kết quả cụ thể như sau:

(Chi tiết tại phụ lục 1,2,3 đính kèm./.)

Đề nghị Sở Y tế tổng hợp báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Chicucavstp@bacgiang.gov.vn;
- LĐ Sở: GD, PGĐ Phương;
- Phòng KTAT-MT;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Phương

Phụ lục 1:**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2020**

TT	Tên chỉ tiêu	Tuyên tỉnh					
		Tổng số	KH năm	Kết quả thực hiện			
				9 tháng đầu năm	Ước thực hiện quý IV	Cộng năm 2020	% so KH năm
I	Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội về ATTP						
1	D.tích SX thâm canh rau, quả, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP (ha)						
1.1	<i>Diện tích sản xuất thâm canh rau theo tiêu chuẩn VietGAP</i>						
1.2	<i>Diện tích sản xuất thâm canh cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP</i>						
1.3	<i>Diện tích sản xuất thâm canh thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP</i>						
2	Tổng đàn chăn nuôi (lợn, gia cầm) theo tiêu chuẩn VietGap (nghìn con)						
2.1	<i>Tổng đàn chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP</i>						
2.2	<i>Tổng đàn chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGAP</i>						
3	Kết quả cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP(cơ sở)						
3.1	<i>Số CSTP thuộc lĩnh vực NN&PTNT được cấp GCN ATTP(lũy kế)</i>						
3.2	<i>Số CSTP thuộc lĩnh vực Công Thương được cấp GCN ATTP (lũy kế)</i>	54	28	28	1	29	104
3.3	<i>Số CSTP thuộc lĩnh vực Y tế được cấp GCN ATTP (lũy kế)</i>						
II	Kết quả phối hợp vận động và giám sát bảo đảm ATTP						
1	<i>Số xã, phường, thị trấn triển khai mô hình vận động và giám sát bảo đảm ATTP (lũy kế)</i>						
2	<i>Số thôn, bản, khu dân cư thuộc xã, phường, thị trấn duy trì hoạt động tuyên truyền, vận động và kiểm tra, giám sát ATTP (lũy kế)</i>						
3	<i>Số hộ gia đình đăng ký, cam kết sản xuất nông nghiệp, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn (lũy kế)</i>						
4	<i>Số hộ gia đình được công nhận SX, KD thực phẩm an toàn (lũy kế)</i>						
5	<i>Số hợp tác xã, doanh nghiệp SX, KD nông sản, thực phẩm đăng ký, cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn (lũy kế)</i>						
6	<i>Số xã được công nhận nông thôn mới và phường, thị trấn được công nhận đô thị văn minh đạt tiêu chí ATTP (lũy kế)</i>						
III	Chỉ tiêu thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về ATTP						
1	<i>Số cơ sở thực phẩm được thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm</i>						

1.1	Số CSTP thuộc lĩnh vực ngành NN&PTNT quản lý được kiểm tra						
1.2	Số CSTP thuộc lĩnh vực ngành công thương quản lý được kiểm tra	54	4	4	0	4	100
1.3	Số CSTP thuộc lĩnh vực ngành Y tế quản lý được kiểm tra						
2	Số xã (phường, thị trấn) được cấp huyện, thành phố kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai công tác QLNN về ATTP						

Phụ lục 3:

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NĂM 2021

TT	Tên chỉ tiêu	Tuyển tỉnh		
		Tổng số	KH năm	% so với tổng số
I	Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội về ATTP			
1	Diện tích sản xuất thâm canh rau, quả, thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP (ha)			
a	Diện tích sản xuất thâm canh rau theo tiêu chuẩn VietGAP			
b	Diện tích sản xuất thâm canh cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP			
c	Diện tích sản xuất thâm canh thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP			
2	Tổng đàn chăn nuôi (lợn, gia cầm) theo tiêu chuẩn VietGap (nghìn con)			
a	Tổng đàn chăn nuôi lợn theo tiêu chuẩn VietGAP			
b	Tổng đàn chăn nuôi gia cầm theo tiêu chuẩn VietGAP			
3	Kết quả cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP (Đối với cơ sở thực phẩm thuộc diện phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP)			
a	Số CSTP thuộc lĩnh vực NN&PTNT được cấp GCN ATTP (lũy cấp)			
b	Số CSTP thuộc lĩnh vực Công Thương được cấp GCN ATTP (lũy cấp)	29	27	93
c	Số CSTP thuộc lĩnh vực Y tế được cấp GCN ATTP (lũy cấp)			
II	Chỉ tiêu thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về ATTP			
1.	Xây dựng/ nhân rộng các mô hình ATTP (ghi rõ tên loại mô hình)			
1.1	- Lĩnh vực NN&PTNT:.....			
1.2	- Lĩnh vực Công thương: xây dựng điểm bán và giới thiệu các sản phẩm ocop của tỉnh		5	
1.3	- Lĩnh vực Y tế: Nhân rộng mô hình bảo đảm ATTP			
	+ BATT Trường học mầm non			
	+ BATT Trường tiểu học			
	+ BATT doanh nghiệp			
	+ Nhà hàng ăn uống			
2	Thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về ATTP đối với cơ sở thực phẩm			
2.1	Cơ sở thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành NN&PTNT quản lý			
a	Số cơ sở thực phẩm được thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về ATTP (cơ sở)			
b	Tỷ lệ cơ sở thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP (%)			
2.2	Cơ sở thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành công thương quản lý			
a	Số cơ sở thực phẩm được thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về ATTP (cơ sở)	54	40	74
b	Tỷ lệ cơ sở thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP (%)			
2.3	Cơ sở thực phẩm thuộc lĩnh vực ngành Y tế quản lý			
a	Số cơ sở thực phẩm được thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về ATTP (cơ sở)			
b	Tỷ lệ cơ sở thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP (%)			
*	Cộng (1.1 + 1.2 + 1.3)			
	Số cơ sở thực phẩm được thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm về ATTP (cơ sở)			
	Tỷ lệ cơ sở thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về ATTP (%)			
3	Kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác QLNN về ATTP của cấp huyện (thành phố) đối với cấp xã (xã, phường, thị trấn)			
4	Số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể được ghi nhận (vụ NĐTP)	0	0	0

